

Số: 1429
/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung
Sổ tay hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học ngành Hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 29/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 3 mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-BTC ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTC ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 3028/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan và Viện trưởng Viện nghiên cứu Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Sổ tay hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học ngành Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2556/QĐ-TCHQ ngày 11/10/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan một số nội dung như sau:

- Mục 2, Tiêu mục a Mục 3, Tiêu mục b Mục 4 bước 1 phần II; Tiêu mục d Mục 2 bước 3 phần II; Tiêu mục a Mục 1 bước 6 phần II.


- Các Biểu mẫu: Mẫu 07.TMNV; Mẫu 08.LLCN; Mẫu 14.HĐNCKH; Mẫu 18.CVĐNNT; Mẫu 27. TLHĐ; Mẫu 28.TUKP; Mẫu 29.HĐKV; Mẫu 33. BCTT> Mẫu 34.ĐNCKP.

(Chi tiết tại bản Nội dung sửa đổi Sổ tay hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học ngành Hải quan và các Biểu mẫu kèm theo Quyết định này).

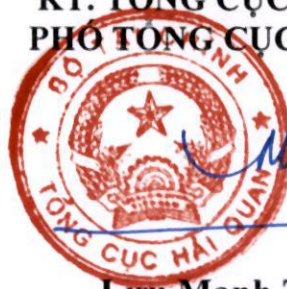
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Website TCHQ;
- Lưu: VT, NCHQ (10b). 

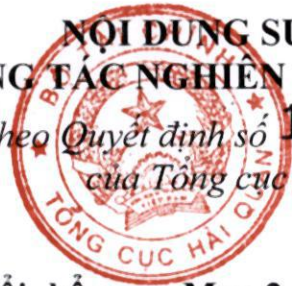
**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**




Lưu Mạnh Trùng

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI SỔ TAY HƯỚNG DẪN
CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGÀNH HẢI QUAN**

(Kèm theo Quyết định số **1429/QĐ-TCHQ** ngày **18 tháng 6** năm **2024**
của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)



1. Sửa đổi, bổ sung Mục 2, Tiêu mục a Mục 3, Tiêu mục b Mục 4 Bước 1 phần II:

Bước 1: Xác định vấn đề nghiên cứu

1.1. Bổ sung Mục 2: Xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Đề xuất bám sát định hướng nghiên cứu khoa học theo giai đoạn của Ngành/Tổng cục Hải quan.

- Bản đề xuất nhiệm vụ có xác nhận của thủ trưởng đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học công nghệ.

1.2. Sửa đổi Tiêu mục a Mục 3: Lựa chọn các thành viên nghiên cứu

Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan do một cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm, có các thành viên tham gia nghiên cứu. Tổng số thành viên tham gia nghiên cứu không quá 10 (mười) người, kể cả chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1.3. Sửa đổi Tiêu mục b Mục 4: Đăng ký đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ

Kết quả danh mục được công bố trên website của Tổng cục Hải quan và thông báo tới các đơn vị đăng ký xét giao trực tiếp/tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày được Lãnh đạo Tổng cục Hải quan phê duyệt.

2. Sửa đổi, bổ sung Tiêu mục d Mục 2 Bước 3 phần II:

Bước 3: Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và hoàn thiện hồ sơ tạm ứng kinh phí

Hoàn thiện hồ sơ tạm ứng: Xây dựng dự toán chi tiết

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu quy định của Tổng cục Hải quan, trong đó bao gồm: Nội dung của các phần công việc, căn cứ để xây dựng dự toán thực hiện các phần công việc (các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi theo quy định hiện hành). Cụ thể:

2.1. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC và Điều 3 Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ như sau:

- Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: Tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Các chức danh tham

gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tiêu chí xác định chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

- Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

- Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

- Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

- Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

- Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

- Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2.2. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.2.1. Dự toán thù lao tham gia nhiệm vụ: Cấu trúc thuyết minh triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu

4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Đề xuất giải pháp, kiến nghị và các đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp và các kết quả khác
6	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

- *Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ* được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 0,7 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa bằng 70% quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- *Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học* được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,21 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa bằng 70% quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- *Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh* được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học được quy định tại phần 1.1 Mục I Phụ lục này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa bằng 70% quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

- Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma tn/22)$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học được quy định tại phần 1.1 Mục I Phụ lục này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa bằng 70% quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

Σtn : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($tn < 22$).

Việc lập dự toán chi thù lao cho các chức danh và nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Bảng 1: Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD}) đối với nhiệm vụ KHCN cấp TCHQ
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,7
2	Thư ký khoa học	0,21
3	Thành viên chính	0,56
4	Thành viên	0,28
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,14

Hệ số lao động khoa học cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Bảng 1 nêu trên là mức hệ số tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan.

2.2.2. Dự toán chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

2.2.3. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu: Nội

dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Quyết định số 1795/QĐ-BTC ngày 11/9/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài chính cùng các văn bản hướng dẫn khác (nếu có) của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.


Bảng 2: Quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học (được quy định chi tiết trong Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ) như sau:

STT	Chức danh	Đơn vị tính	Định mức chi đối với nhiệm vụ KH&CN (đồng)
1	Người chủ trì	Buổi hội thảo	1.400.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi hội thảo	350.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.050.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	210.000

2.2.4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định:

- Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

- Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 3 mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

2.2.5. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan được quy định tại Điều 4 Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ. 

2.2.6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ.

2.2.7. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật (dự toán chi tiết theo phụ lục của Mẫu 07.TMNV - Phụ lục).

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán theo cấu trúc chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại cấu trúc thuyết minh triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nêu ở phần trên, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số tháng tham gia của từng chức danh.

3. Bổ sung, sửa đổi Tiểu mục a Mục 1 Bước 6 phần II

Bước 6: Quyết toán kinh phí

3.1. Hồ sơ thanh toán tạm ứng lần 1

- Chứng từ chi trả thù lao thực hiện nhiệm vụ: Bảng kê chi trả tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận tiền; các hợp đồng khoán việc và biên bản nghiệm thu - thanh lý hợp đồng (nếu có); các báo cáo đã được thanh toán thù lao thực hiện nhiệm vụ.

- Chứng từ chi trả tiền thù lao hội thảo khoa học (nếu có) gồm: Bảng kê danh sách, số tiền thực chi cho từng người có chữ ký của người nhận tiền được chủ nhiệm nhiệm vụ và thủ trưởng tổ chức chủ trì ký xác nhận; các báo cáo khoa học được nhận thù lao báo cáo; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận thù lao báo cáo.

- Đối với các khoản chi mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công tác phí và các khoản chi khác liên quan: Chứng từ quyết toán theo quy định hiện hành.

- Các chứng từ khác kèm theo hồ sơ quyết toán lần 1 bao gồm:

+ Sản phẩm hoàn thành lần 1 của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định;

+ Quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ (01 bản sao);

+ Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (01 bản sao);

+ Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng lần 1 (02 bản chính).

3.2. Hồ sơ thanh toán lần 2

- Giấy đề nghị cấp kinh phí lần 2

- Chứng từ chi trả thù lao thực hiện nhiệm vụ: Bảng kê chi trả tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận tiền; các hợp đồng khoán việc và biên bản nghiệm thu - thanh lý hợp đồng (nếu có); các

báo cáo đã được thanh toán thù lao thực hiện nhiệm vụ.

- Chứng từ chi trả tiền thù lao hội thảo khoa học (nếu có) gồm: Bảng kê danh sách, số tiền thực chi cho từng người có chữ ký của người nhận tiền được chủ nhiệm nhiệm vụ và thủ trưởng tổ chức chủ trì ký xác nhận; các báo cáo khoa học được nhận thù lao báo cáo; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận thù lao báo cáo.

- Đối với các khoản chi mua sắm vật tư, nguyên nhiên vật liệu, công tác phí và các khoản chi khác liên quan: Chứng từ quyết toán theo quy định hiện hành.

- Các chứng từ khác kèm theo hồ sơ quyết toán lần 2 bao gồm:

+ Sản phẩm hoàn thành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định;

+ Quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ (01 bản sao);

+ Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (01 bản sao);

+ Biên bản nghiệm thu cấp Tổng cục (01 bản sao).

+ Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành (02 bản sao).

+ Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Mẫu 27.TLHD - Phụ lục (02 bản sao).

+ Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng lần 2 (02 bản chính).

+ Hồ sơ quyết toán kinh phí lần 2.

(Thực hiện theo mẫu đính kèm). *Aug.*

TỔNG CỤC HẢI QUAN

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu 07.TMNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm ...

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM ...

- Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTC ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;
- Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan;
- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày .../.../... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm
- Căn cứ Hợp đồng NCKH số..... ngày .../.../... giữa Viện Nghiên cứu Hải quan và đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Mã số: được cấp khi giao nhiệm vụ Thời gian thực hiện: Từ tháng ... /... đến tháng ... /...
- Đơn vị chủ trì:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chức vụ:
- Tổng kinh phí được phê duyệt:.....đồng

ĐVT: đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số kinh phí	Tỷ lệ (%)	Nguồn vốn		
				NSNN	Tự có	Khác
(A)	(B)	(1) =(3)+(4)+(5)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nhân công lao động trực tiếp	-		-		



2	Vật tư, nguyên vật liệu	-	-		
3	Hội thảo khoa học	-	-		
4	Chi phí khác (nếu có)	-	-		
	Tổng cộng:	-	-		

Số tiền bằng chữ:đồng
chẵn./.

**XÁC NHẬN
CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN**

(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)

**CHỦ
NHIỆM VỤ
KH&CN**

(Ký, họ tên)

DỰ TOÁN CHI TIẾT KHOẢN MỤC CHI NHẬN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Mã số: được cấp khi được giao nhiệm vụ Thời gian thực hiện: Từ tháng ... /... đến tháng ... /...
- Đơn vị chủ trì:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chức vụ:
- Tổng kinh phí được phê duyệt:.... đồng

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc được giao	Họ và tên người thực hiện	Chức danh Khoa học	Tiến độ hoàn thành	Kết quả, Sản phẩm	Hệ số lao động khoa học (theo Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023)	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (theo Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023)	Tổng số tháng quy đổi	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ	Ghi chú
	A	B	C	D	E	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)x(2)x(3)	(5)
I	Xây dựng thuyết minh và nghiên cứu tổng quan		Chủ nhiệm đề tài và Thư ký khoa học	Tháng ... năm...						Nội dung công việc này chủ nhiệm và TKKH của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và TKKH, không tính thù lao riêng
II	Nội dung nghiên cứu									
1	Nội dung 1:			Tháng ... năm...						
	Công việc 1					0,56	28.000.000		0	
	Công việc 2					0,56	28.000.000		0	

2	Nội dung 2			Tháng ... năm...					
	Công việc 1					0,56	28.000.000		0
	Công việc 2					0,56	28.000.000		0
3	Nội dung 3			Tháng ... năm...					
	Công việc 1					0,56	28.000.000		0
	Công việc 2					0,56	28.000.000		0
	Công việc 3					0,56	28.000.000		0
4	Nội dung 4: Xây dựng báo cáo tổng kết		Chủ nhiệm đề tài và Thư ký khoa học						Nội dung công việc này chủ nhiệm và TKKH của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và TKKH, không tính thù lao riêng
III	Thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học								
1	Thù lao của chủ nhiệm		CNĐT			0,7	28.000.000		
2	Thù lao của thư ký khoa học		TKKH			0,21	28.000.000		
	Cộng								0

XÁC NHẬN
CỦA VIỆN NGHIÊN
CỨU HẢI QUAN
(Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ
(Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ký, họ tên)

AS

Ghi chú:

- (A) Ghi cụ thể nội dung công việc được giao tương ứng với nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện trong thuyết minh.
- (C) Các chức danh nghiên cứu: CNDT - Chủ nhiệm đề tài; TKKH- Thư ký khoa học; TVTHC- Thành viên thực hiện chính; TV- Thành viên; KTV- Kỹ thuật viên, NVHT: Nhân viên hỗ trợ.
- (E) Sản phẩm tương ứng với phần tiến độ thực hiện trong thuyết minh.
- (1) Hệ số lao động khoa học (theo Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023).
- (2) Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (theo Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023) .
- (3) Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.
- (4) Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ = Hệ số lao động khoa học x Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm x Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh .



**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI HỘI THẢO KHOA HỌC;
CHI QUẢN LÝ CHUNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ CHI KHÁC**

- Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
- Mã số: được cấp khi được phê duyệt danh mục Thời gian thực hiện: Từ tháng ... /... đến tháng ... /...
- Đơn vị chủ trì:
- Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Chức vụ:
- Tổng kinh phí được phê duyệt:..... đồng

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn			Ghi chú
						NSNN	Tự có	Khác	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4) = (2) x (3)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Chi Hội thảo khoa học				-	-			
1	Hội thảo khoa học (lần 1): Thời gian tổ chức 01 buổi Số lượng:... người, tại...				0	0			
a	Thuê hội trường, phong chữ, maket,...				-	-			
b	Chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu phục vụ hội thảo:				-	-			
c	Tiền nước uống	người			-	-			
d	Chi thù lao hội thảo:				0	0			
-	Người chủ trì hội thảo	người		1.400.000	-	-			
-	Thư ký Hội thảo	người		350.000	-	-			
-	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	người		2.100.000	-	-			
-	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	người		1.050.000	-	-			
-	Thành viên tham gia hội thảo	người		210.000	-	-			

Handwritten signature

đ	Các khoản chi khác				-	-		
...				-	-		
2	Hội thảo khoa học (lần 2): Thời gian tổ chức 01 buổi Số lượng: ... người, tại ...				0	0		
a	Thuê hội trường, phòng chữ, maket,...				-	-		
b	Chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu phục vụ hội thảo:				-	-		
c	Tiền nước uống	người			-	-		
d	Chi thù lao hội thảo:				0	0		
-	Người chủ trì	người		1.400.000	-	-		
-	Thư ký	người		350.000	-	-		
-	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	người		2.100.000	-	-		
-	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	người		1.050.000	-	-		
-	Thành viên tham gia hội thảo	người		210.000	-	-		
đ	Các khoản chi khác				-	-		
...				-	-		
II	Chi Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nghiệm thu cấp cơ sở)				-	-		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở				-	-		
-	Chủ tịch Hội đồng			1.050.000	-	-		
-	Thư ký khoa học	người		210.000	-	-		
-	Ủy viên Hội đồng	người		500.000	-	-		
-	Thư ký hành chính	người		210.000	-	-		
-	Đại biểu được mời tham dự	người		140.000	-	-		

b	Chi nhận xét, đánh giá	người			-	-		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng	người		700.000	-	-		
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	người		490.000	-	-		
...				-	-		
III	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN				-	-		<i>tối đa bằng 5% tổng dự toán</i>
IV	Chi khác				-	-		
1				-	-		
2				-	-		
	Tổng cộng				-	-		

**XÁC NHẬN
CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU
HẢI QUAN**
(Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Thủ trưởng đơn vị
Ký tên, đóng dấu)

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**
(Ký, họ tên)

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
THAM GIA NGHIÊN CỨU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN¹**

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ:

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong học hàm:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
Chức danh nghiên cứu:			
hức vụ:			
6. Địa chỉ nhà riêng:			
7. Điện thoại:CQ:		;Mobile:	
8. Fax:		E-mail:	
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm:			
Tên tổ chức :			
Tên người Lãnh đạo:			
Điện thoại người Lãnh đạo:			
Địa chỉ tổ chức:			
10. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			
11. Quá trình công tác			
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
12. Các công trình công bố chủ yếu			
<i>(Liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký trong 05 năm gần nhất)</i>			
TT	Tên công trình (Bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (Tên tạp chí đã đăng công trình)
			Năm công bố
1			
2			
3			

Aug.

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giống cây trồng đã được cấp... (Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng
14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (Liên quan đến nhiệm vụ KH&CN đăng ký - nếu có)			
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (Bắt đầu - kết thúc)
15. Các nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia (Trong 05 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
Tên đề tài/đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì		Thời gian (Bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)
			Tình trạng đề tài (Đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
16. Giải thưởng (Về KH&CN, về chất lượng sản phẩm... liên quan đến đề tài/đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng		Năm tặng thưởng
17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác (Liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

**Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký
chủ nhiệm (hoặc tham gia thực hiện chính)**
(Xác nhận và đóng dấu)

**Cá nhân đăng ký chủ nhiệm
(hoặc tham gia thực hiện chính)**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: - TCHQ/KHCN/20...

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTC ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 3028/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh

vực khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-TCHQ ngày ... tháng ... năm của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan năm

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Viện Nghiên cứu Hải quan (Cơ quan quản lý kinh phí)

Do Ông:..... Chức vụ: Viện trưởng làm đại diện.

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: Số 9, Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại:.....

Mã quan hệ ngân sách: 1058925

Tài khoản số: 9527.1.1058925 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy- Hà Nội.

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):.....

Do Ông/Bà:..... Chức vụ: làm đại diện.

Do Ông/Bà: làm chủ nhiệm nhiệm vụ.

-Điện thoại:

-Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

-Email:

-Mã số thuế:.....

-Thông tin tài khoản tiền gửi của đơn vị chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước:.....

-Mã quan hệ ngân sách:

(Ghi rõ Tên tài khoản; Số tài khoản; Mã đơn vị quan hệ ngân sách).

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được giao theo số /QĐ-TCHQ ngày...tháng...năm... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan năm...

Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ: **“Ghi rõ tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ”**.

Mã số: **“Được cấp khi được phê duyệt Danh mục”** theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được hội đồng xét duyệt thông qua (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ kể từ ngày giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đến ngàytháng năm.... (bao gồm cả thời gian đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ).

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo hình thức: Khoán chi

Handwritten signature

đến sản phẩm cuối cùng.

Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp từ Ngân sách nhà nước:đồng (*Bằng chữ: đồng*).

Tiền độ cấp kinh phí; tạm ứng, thanh toán tạm ứng và thanh quyết toán thực hiện theo tiến độ công việc hoàn thành trong Thuyết minh, phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể:

1. Tạm ứng:

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A tổ chức giao nhiệm vụ cho Bên B theo Quyết định giao nhiệm vụ của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ hồ sơ tạm ứng kinh phí về cho Bên A.

Mức tạm ứng kinh phí lần đầu không vượt quá 50% tổng kinh phí của hợp đồng sau khi Hợp đồng được ký kết theo thuyết minh đề cương chi tiết được phê duyệt. Hồ sơ gồm: (1) *Dự toán kinh phí được duyệt*; (2) *Giấy đề nghị tạm ứng kinh phí*; (3) *Đề cương chi tiết*; (4) *Thuyết minh công trình nghiên cứu*.

Việc tạm ứng kinh phí các đợt tiếp theo chỉ thực hiện khi chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có báo cáo về kết quả triển khai và các nội dung công việc đã triển khai của các khoản tạm ứng trước đó, hồ sơ gồm: (1) *Báo cáo bằng văn bản nêu rõ nội dung công việc đã triển khai*; (2) *Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện*; (3) *Chứng từ có liên quan về khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng*.

Việc tạm ứng các đợt tiếp theo chỉ được thực hiện đối với nhiệm vụ đã thanh toán hết các khoản tạm ứng trước đó. Các hồ sơ tạm ứng và thanh toán tạm ứng cần có xác nhận của Bên A.

2. Thanh, quyết toán:

a) Thanh toán các khoản đã tạm ứng, hồ sơ bao gồm: (1) *Báo cáo bằng văn bản nêu rõ nội dung công việc triển khai và tình hình sử dụng kinh phí*; (2) *Bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện và các khoản thực chi*; (3) *Chứng từ có liên quan về khối lượng công việc đã thực hiện tương ứng, cụ thể:*

- *Chứng từ chi trả tiền công lao động trực tiếp: Bảng chấm công/ xác nhận ngày công thực hiện; Bảng kê chi trả tiền công; Chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận tiền; Các hợp đồng thuê khoán chuyên môn và biên bản bàn giao, thanh lý hợp đồng;*

- *Chứng từ chi trả tiền thù lao hội thảo khoa học (nếu có):*

Gồm bảng kê danh sách, số tiền thực chi cho từng người có chữ ký của người nhận tiền được chủ nhiệm nhiệm vụ và thủ trưởng tổ chức chủ trì ký xác nhận; các báo cáo khoa học được nhận thù lao báo cáo; chứng từ liên quan đến chuyển khoản, giao nhận thù lao báo cáo;

- *Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu có)*

- *Các sản phẩm trung gian theo thuyết minh của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.*

b) Thanh toán kinh phí còn lại và tiến hành thanh lý Hợp đồng: Sau khi Bên B hoàn thiện các hồ sơ chứng từ theo yêu cầu như trên và hoàn thiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết

Luong

quả nghiên cứu và nộp sản phẩm hoàn thiện cho Bên A.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B có quyết định công nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bên B có trách nhiệm nộp toàn bộ hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí về cho Bên A.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết toán một lần sau khi được hoàn thành và các bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng. Các hồ sơ thanh, quyết toán cần có xác nhận của Bên A.

c) Thông tin cá nhân ký hồ sơ tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Do Ông/Bà:.....
- Chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....
- Email:.....
- Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Đảm bảo kinh phí thực hiện quy định tại Khoản 2 - Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với nội dung nghiên cứu được duyệt. Bên A cấp kinh phí từng đợt sau khi Bên B nộp kết quả sản phẩm, cụ thể như sau:

- Kinh phí cấp lần 1: 50% kinh phí hợp đồng, sau khi hai bên ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Bên B nộp hồ sơ gồm: dự toán chi tiết được duyệt; giấy đề nghị tạm ứng kinh phí lần 1; đề cương chi tiết; thuyết minh công trình nghiên cứu 03 (ba) bản.

- Kinh phí cấp lần 2: Kinh phí còn lại đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu có), sau khi bên B đã hoàn thành sản phẩm nộp cho bên A cùng hồ sơ thanh quyết toán, bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện theo hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng theo quy định.

c) Trên cơ sở báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh và yêu cầu hoàn thành thủ tục thanh quyết toán để giải ngân nốt phần kinh phí thực hiện Hợp đồng còn lại. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiến độ;

đ) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi bên B hoàn thiện sản phẩm đúng yêu cầu.

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng

theo quy định hiện hành;

h) Tiếp nhận kết quả đã hoàn thành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bàn giao kết quả cho thường trực Hội đồng khoa học - Tổng cục Hải quan sau khi được nghiệm thu;

i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo tiến độ kế hoạch.

b) Cam kết thực hiện và nộp sản phẩm đã được phê duyệt:

- Lần 1: Thuyết minh, đề cương chi tiết theo kết luận của Hội đồng xét duyệt và dự toán chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nộp 03 (ba) bản theo đúng quy định trước ngày tháng năm....;

- Lần 2: Kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm: Bản hoàn chỉnh sau nghiệm thu cấp cơ sở và Bản tóm tắt kết quả nghiên cứu (mỗi loại 10 quyển). Bộ hồ sơ gồm có: Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở của đơn vị chủ trì, Biên bản nghiệm thu, Bản đánh giá của đơn vị thụ hưởng trước ngàytháng năm....;

- Lần 3: Nộp sản phẩm hoàn chỉnh (03 (ba) quyển được đóng bìa cứng màu xanh, chữ mạ vàng) đã chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng nghiệm thu cấp Tổng cục, sau 20 ngày kể từ ngày tổ chức nghiệm thu chính thức, nhưng phải trước ngày hết hạn hợp đồng.

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí đã được phân bổ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả.

Kinh phí được sử dụng cho:

- Chi tiền công lao động trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Chi mua, thuê dịch, in ấn các tài liệu và các sản phẩm;

- Chi hội thảo khoa học, tọa đàm, khảo sát (nếu có);

- Chi cho công tác tổ chức, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp đơn vị;

- Các chi phí khác phát sinh có liên quan trong quá trình triển khai nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 991/QĐ-BTC ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành có liên quan.

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các thủ tục thanh quyết toán theo tiến độ và sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu để Bên A làm cơ sở quyết toán theo quy định hiện hành.

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

Aug.

Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

e) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh về tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, tiến độ và thời hạn thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết bằng văn bản gửi Bên A (trình bày rõ lý do điều chỉnh). Trường hợp xin gia hạn, Bên B phải có Đơn đề nghị điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ gửi Bên A ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được điều chỉnh thời gian thực hiện 01 lần, tối đa không quá 03 tháng. Trường hợp được chấp thuận gia hạn thì Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn tối đa không quá 90 ngày. Trường hợp đặc biệt do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định.

g) Bên B thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu cấp đơn vị theo quy định hiện hành trước ngày tháng năm.... Sau khi đánh giá, nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ sẽ hoàn chỉnh nội dung theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp đơn vị chủ trì, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định tại Khoản 2.2 Điều này;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật; Khấu trừ và nộp thuế TNCN (nếu có) vào NSNN theo quy định;

i) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Viện Nghiên cứu Hải quan - Tổng cục Hải quan theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các điều khoản có liên quan tại Hợp đồng này.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ qua đánh giá của Hội đồng nghiệm thu không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành đúng tiến độ thì chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng và hoàn trả một phần số kinh phí ngân sách nhà nước được cấp đã sử dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ (số kinh phí hoàn trả được xác định dựa trên kết luận của Hội đồng thẩm định).

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.


b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng và hoàn trả một phần số kinh phí ngân sách nhà nước được cấp đã sử dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

5. Các chủ nhiệm không hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu có trách nhiệm hoàn trả kinh phí trong vòng 30 ngày kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước. Chủ nhiệm nhiệm vụ chưa hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì không được quyền tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu 

sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Hai bên có trách nhiệm quản lý và bảo mật các sản phẩm khoa học theo quy định hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản và bên B giữ 02 bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

Viện trưởng

Viện Nghiên cứu Hải quan

(Ký, họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

Đơn vị chủ trì

(Thủ trưởng cơ quan nơi

Chủ nhiệm nhiệm vụ

đang công tác)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(Ký, họ tên)

Mẫu 18.CVĐNNT

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày tháng năm 20....

V/v đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan

Kính gửi: Viện Nghiên cứu Hải quan

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TCHQ ngày .. tháng ... năm ... của
Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa
học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan,

..... (Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ) đề nghị xem xét và tổ
chức đánh giá, nghiệm thu cấp Tổng cục Hải quan kết quả thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ:.....

Mã số:.....

Hợp đồng số:.....

- Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

- Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp Tổng cục, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

5. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

6. Hồ sơ nghiệm thu cấp cơ sở (Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm
thu cấp cơ sở, Biên bản nghiệm thu, các nhận xét của thành viên Hội đồng
nghiệm thu).

7. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không
cài đặt bảo mật).

Đề nghị..... xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm
vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Số: - TCHQ/KH&CN/20...

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKH&CN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTC ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-BTC ngày 03/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đối với các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-TCHQ ngày 16/7/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-TCHQ ngày ... tháng ... năm của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan năm.....

Căn cứ Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số: ...-

TCHQ/KHCN/20... ký ngày ... tháng ... năm.... giữa Viện Nghiên cứu Hải quan và (Đơn vị chủ trì Nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

Căn cứ Biên bản họp ngày... tháng ... năm... của Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan, mã số.....;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày tháng năm của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan mã số

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Viện Nghiên cứu Hải quan

Do Ông:

Chức vụ: Viện trưởng làm đại diện.

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: Số 9, Đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại:.....

Mã quan hệ ngân sách: 1058925

Tài khoản số: 9527.1.1058925 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy- Hà Nội

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):.....

Do Ông/Bà:.....

Chức vụ: làm đại diện.

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Email:.....

Mã quan hệ ngân sách:

Thông tin tài khoản tiền gửi của đơn vị chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước:

(Ghi rõ Tên tài khoản; Số tài khoản; Mã đơn vị quan hệ ngân sách).

Do Ông/Bà: làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đơn vị công tác:

Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Cùng thỏa thuận và thống nhất nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số ngày 26/9/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Hai bên cùng tiến hành nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số.....- TCHQ/KHCN/20.... ngày tháng năm.... - Mã số:, cụ thể như sau:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện, bao gồm:

Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa

Handwritten signature

học và công nghệ “**Ghi rõ tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ**”, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ, chất lượng theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt và bàn giao đầy đủ sản phẩm nghiên cứu cho Bên A.

Bên A đảm bảo kinh phí thực hiện theo tiến độ hoàn thành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, xác nhận bên B đã giao nộp sản phẩm khoa học và công nghệ được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu.

Điều 2. Thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số..... - TCHQ/KHCN/20.... ngày tháng năm..... - Mã số:

Tổng giá trị Hợp đồng:	đồng.
- Số tiền Bên B đã tạm ứng:	đồng.
- Tổng giá trị Bên B đã thực hiện:	đồng.
- Số tiền Bên A còn phải thanh toán:	đồng.
- Số tiền Bên A đã thanh toán:	đồng.
- Số tiền Bên A còn phải thanh toán cho Bên B:	đồng.
(Bằng chữ:	đồng./.)

Điều 3. Cam kết chung

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền: ... đồng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và nhận được đủ toàn bộ Hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí của Bên B.

Quá trình thực hiện Hợp đồng số..... - TCHQ/KHCN/20..... ngày tháng năm..... không còn nội dung gì tồn tại, vướng mắc.

Hai bên thống nhất thanh lý Hợp đồng số..... - TCHQ/KHCN/20.... ngày tháng năm.....

Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

Viện trưởng

Viện Nghiên cứu Hải quan

(Ký, họ tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

Đơn vị chủ trì

*(Thủ trưởng cơ quan nơi
Chủ nhiệm nhiệm vụ
đang công tác)*

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(Ký, họ tên)

Mẫu 28.TUKP

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐƠN VỊ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY TẠM ỨNG
KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 20...**

Kính gửi: Viện Nghiên cứu Hải quan

Thực hiện Quyết định số/QĐ-TCHQ ngày tháng năm 20 ... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan năm 20...;

Căn cứ Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số ký ngày .../.../... giữa Viện Nghiên cứu Hải quan và [Đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ].

1. (Đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN) được phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 20.....:

- Tên nhiệm vụ KH&CN:.....
- Mã số:
- Kinh phí được duyệt:
- Kinh phí đã tạm ứng:
- Kinh phí còn lại:
- Đến nay, nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện được những nội dung như sau:
- Ước khoảng%; Dự kiến kết thúc :/20.....

2. Đề nghị Viện Nghiên cứu Hải quan cho (Đơn vị chủ trì Nhiệm vụ khoa học và công nghệ) tạm ứng số tiền:

Bằng số:

Bằng chữ:

trong tổng số kinh phí đã được phê duyệt.

Thời hạn thanh toán tạm ứng:

3. Kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị được chuyển vào tài khoản của đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đơn vị thụ hưởng:
- Địa chỉ:.....
- Thông tin tài khoản tiền gửi của Đơn vị chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà

nước:

(Ghi rõ Tên tài khoản; Số tài khoản; Mã đơn vị quan hệ ngân sách).

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHCN

(Thủ trưởng Đơn vị; Ký tên, đóng dấu)

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHCN

(Ký, họ tên)

LÃNH ĐẠO VIỆN NCHQ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG
QLKH&TTKH-VNCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KHOẢN VIỆC
THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số: ...

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-TCHQ ngày 28/11/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quy định các nội dung, mức chi trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TCHQ ngày .../.../20... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học năm 20...

Hôm nay, ngày .../.../20..., tại ..., chúng tôi gồm có:

Bên thuê khoán (Bên A):

- Ông/ Bà: ...Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học "...". Mã số:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....Email:
- Mã số thuế TNCN:CMTND: nơi cấp: ngày cấp:

Bên nhận thuê khoán (Bên B):

- Ông/ Bà:Chức danh:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Email:
- Mã số thuế TNCN:CMTND: nơi cấp: ngày cấp:

Sau khi bàn bạc, hai bên đã thống nhất các điều khoản sau đây:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện các công việc như sau:

Nghiên cứu, phân tích, xây dựng và viết các báo cáo của đề tài khoa học "...", bao gồm những nội dung sau:

1. Công việc:.....
2. Yêu cầu về nội dung, chất lượng: ...
3. Kết quả, sản phẩm: ...



Điều 2. Giá trị của hợp đồng:

Chức danh khoa học	Hệ số lao động khoa học	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm	Tổng số tháng quy đổi	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (2) x (3) x (4)

Số tiền bằng chữ:

Điều 3. Thời gian thực hiện:

- Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20... bên B phải hoàn thành.
- Bên B bàn giao toàn bộ tài liệu liên quan cho bên A (bao gồm tài liệu in giấy và file mềm gửi vào địa chỉ mail của CNĐT) tại địa chỉ

Điều 4. Trách nhiệm các bên:

1. Trách nhiệm của bên A:

- Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B các tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung công việc.
- Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn số tiền thuê khoán theo từng công việc nói trên cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B:

Bên B có trách nhiệm hoàn thành nội dung công việc được quy định tại Điều 1 của hợp đồng, đảm bảo thời gian và đáp ứng yêu cầu do bên A đề ra.

Điều 5. Điều khoản chung:

- Nếu một trong hai bên không thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng, làm ảnh hưởng đến tiến độ của đề tài thì bên vi phạm hợp đồng sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường số tiền tương đương với trị giá của hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có những phân phát sinh nằm ngoài hợp đồng thì hai bên cùng nhau bàn bạc để tìm biện pháp giải quyết.

Hợp đồng được thành lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN B

Người thực hiện
(Ký, họ tên)

BÊN A

Chủ nhiệm đề tài
(Ký, họ tên)

Mẫu 33. BCTT>

TỔNG CỤC HẢI QUAN
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

**BÁO CÁO TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH
 Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU CẤP CƠ SỞ**

Kính gửi:

- Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở;
- Viện Nghiên cứu Hải quan – Cơ quan Thường trực Hội đồng Khoa học Tổng cục Hải quan.

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:
2. Mã số nhiệm vụ:
3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:
5. Chủ tịch Hội đồng:
6. Thời gian họp Hội đồng đánh giá:

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng:

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện (liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến, kết luận của hội đồng)

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do)

III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ (nếu có): Không



**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
 CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

CHỦ NHIỆM

Tổng cục Hải quan
Viện Nghiên cứu Hải quan

**GIẤY THANH TOÁN TIỀN ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

TÊN ĐỀ TÀI

.....

Mã số:

Cấp xét duyệt: Cấp Tổng cục

Chủ nhiệm đề tài:

Thời gian bắt đầu - kết thúc: Tháng năm đến tháng năm

- Tổng số tiền đã duyệt: đồng

- Số đã tạm ứng: đồng

- Số còn được lĩnh: đồng

(Viết bằng chữ:)

- Kèm theo:

.....

.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Người đề nghị thanh toán
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, Họ tên, đóng dấu)